

HÓA ĐƠN ĐI CHỢ

Bữa ăn: Sáng - Trưa - Xế (Sáng - Trưa - Phụ - Xế)
Độ tuổi: Mẫu giáo (3 - 6 tuổi)
Số trẻ: 139

Số tiền mỗi trẻ: 37,000

Thực đơn:
Sáng: Miến cua đồng nấu thơm, đậu hũ non, củ cải, rau muống, ngò gai, hành lá, ngò rí
- Uống sữa Netsure
Trưa: Cơm trắng
- Tôm rim mặn, hành tây, ớt chuông vàng-xanh, khổ qua tây, nước dừa, hành lá, ngò rí
- Canh cải xoong nhỏ nấu nghêu, nấm kim châm
- Cải bó xôi luộc
Xế: Sữa chua
Xế chiều: Nui sườn heo, nấm đùi gà, bí ngòi, cải ngọt, hành lá, ngò rí

Stt	Mã hàng	Tên thực phẩm	Khối lượng thực (g)	Đơn giá (đồng/100g)	Thành tiền (đồng)
	* CHỢ				
1	0695	Dầu thực vật Tường An	1,600	3,140	50,240
2	0494	Đường cát	1,400	3,880	54,320
3	0523	Nước mắm loại I	800	4,400	35,200
4	N0966	Muối Iot	800	740	5,920
5	0004	Gạo tẻ máy	7,700	2,560	197,120
6	0120	Hành lá (hành hoa)	450	8,400	37,800
7	0164	Rau mùi (ngò rí)	350	8,930	31,255
8	0119	Hành tím (hành củ tươi)	200	6,300	12,600
9	0185	Tỏi ta	200	7,460	14,920
10	0038	Miến dong	2,200	5,390	118,580
11	N0821	Đậu hũ non (đậu phụ non)	700	8,066.7	56,467
12	N0861	Dầu màu điều	80	42,900	34,320
13	0103	Củ cải trắng	600	3,150	18,900
14	0165	Rau mùi tàu (ngò gai)	150	6,510	9,765
15	0748	Rau muống	600	5,040	30,240
16	0226	Khóm (Dứa ta)	1,500	2,940	44,100
17	0407	Cua đồng	1,500	19,430	291,450
18	0121	Hành tây	400	3,570	14,280
19	0138	Mướp Nhật (khổ qua Tây)	500	4,830	24,150
20	0537	Nước dừa non tươi	1,500	3,890	58,350
21	0143	Ớt chuông đỏ	600	11,030	66,180
22	0424	Tôm sú	3,700	30,980	1,146,260
23	N0779	Cải bó xôi	1,100	9,870	108,570
24	0096	Cải xoong (xà lách xoong)	2,800	13,650	382,200

25	N0965	Nấm kim châm	500	10,610	53,050
26	0439	Nghêu biển trắng (ngao)	3,500	6,300	220,500
27	0648	Bí ngòi (Bí Nhật Bản)	600	7,560	45,360
28	0190	Cải ngọt	400	5,880	23,520
29	0635	Nấm đùi gà	300	11,450	34,350
30	N0770	Thịt nạc dăm	800	17,850	142,800
31	0335	Sườn heo	1,100	25,520	280,720
32	N0937	Nui sò	2,400	3,060	73,440
33	0457	Sữa bột toàn phần	3,455.57	20,500	708,392
34	0455	Sữa chua	6,950	9,440	656,080
35	0522	Nước mắm cá (loại đặc biệt)	1,000	6,160	61,600
Tổng cộng					5,142,999

Tổng tiền thực phẩm	5,142,999
Tổng chi phí khác	0
Tiền được chi trong ngày	5,143,000
Số dư đầu ngày	0
Số dư cuối ngày	1
Suất ăn lũy kế từ đầu tháng	0
Tiêu chuẩn lũy kế từ đầu tháng	71,114,000
Tiền chi lũy kế từ đầu tháng	71,113,998

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

CẤP DƯỠNG

KẾ TOÁN

Nguyễn Thị Huỳnh Lê

Nguyễn Thị Mỹ

Ngô Thị Ngọc Lan